

Bài văn mẫu: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang Văn 11 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### **Bài văn mẫu số 1: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang**

Nhắc đến phong trào Thơ mới ta không thể không nhắc đến hồn thơ Huy Cận giàu hàm súc, giàu chất suy tưởng, triết lí. “Tràng giang” là bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất Huy Cận ẩn đằng sau bức tranh thiên nhiên được thi nhân vẽ lại bằng ngôn từ đó là cái tôi trữ tình mang nỗi buồn thương cô tịch, cô đơn trước cảnh thiên nhiên và luôn mang trong mình tình yêu quê hương, đất nước sâu nặng mà thâm kín.

“Tràng giang” được bắt nguồn cảm hứng vào một chiều thu 1939 Huy Cận đứng ở bờ Nam bên nước Chèm nhìn cảnh sông Hồng sóng nước mênh mông mà buồn về cho thân phận mình và những kiếp người nhỏ bé. Khi ấy ông đã rời quê hương ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh Nông mang trong mình nỗi sầu của lữ thứ xa quê và tình cảnh của người thanh niên trước hoàn cảnh nước nhà bị xâm lăng nên ông đã gửi vào hồn thơ nỗi buồn nhân thế và thâm kín thể hiện tình yêu đất nước.

Thiên nhiên “Tràng giang” được Huy Cận quan sát và miêu tả với không gian hai chiều từ bề rộng mặt sông trải dài bên kia “Lơ thơ cồn cỏ gió đìu hiu” và sâu chót vót khi nhìn về độ cao của trời chiều. Bức tranh thiên nhiên ấy có dáng dấp cổ điển với những hình ảnh của sông, trời, thuyền, mây cao và cánh chim nghiêng nhưng cũng mang nét hiện đại, đậm chất dân tộc của thi sĩ Việt với những cách tân độc đáo, mới lạ của “Cúi một cành khô lạc mấy dòng” hay “Nắng xuống trời lên sâu chót vót” rồi “Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”. Nét cổ điển và hiện đại được kết hợp tài tình trong bài thơ bằng tâm hồn của một thi sĩ tài năng đã viết nên những câu thơ tả cảnh thiên nhiên đẹp mà buồn vô tận, nỗi buồn ấy trải dài mênh mông khi “Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp”.

Tuy nhiên ẩn đằng sau đó là cái tôi trữ tình yêu tha thiết thiên nhiên đất nước của tác giả. Có yêu, có rung động trước cảnh đẹp của thiên nhiên mới có thể viết nên những câu thơ tả cảnh hay và đẹp như thế. Mặt khác đó còn là cái tôi trữ tình mang tâm trạng buồn thương, cô đơn, cô độc. Nỗi buồn ấy mở ra bằng “buồn điệp điệp” và kết thúc bằng “Lòng quê dợn dợn vời con nước”. Nỗi buồn, cô đơn xuyên suốt trong toàn bài được thể hiện qua các hình ảnh của cành củi khô, trôi dạt giữ dòng nước mênh mông, là cánh chim nhỏ nghiêng cánh trong bóng chiều sa. Cuộc sống nơi đây “Mênh mông không một chuyến đò ngang/ Không cầu gọi chút niềm thân mật” chỉ có cái tôi cá nhân nhỏ bé giữa thiên nhiên. Đối diện với cái vô cùng vô tận càng khiến cho nhà thơ hiểu sâu sắc về sự hữu hạn của đời người thấm thía trong “một chiếc linh hồn nhỏ” của một con người mang trong mình “Mang mang vạn cổ sầu” của riêng Huy Cận.

“Tràng giang” còn bộc lộ một tâm hồn tinh tế tài hoa và đặc biệt hơn cả là tình yêu quê hương đất nước sâu sắc mà thâm kín. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ vào năm 1939 tức dân tộc lúc bấy giờ đang bị giặc ngoại xâm, nội xâm hoành hành, cuộc sống người dân nghèo khổ, cơ cực. Huy Cận cũng như bao nhà trí thức yêu nước buồn sâu thẳm cho nỗi đau dân tộc, nỗi khổ dân đen mà chưa tìm ra hướng đi mới cho đến khi bắt gặp lí tưởng của Đảng soi đường.

Bài thơ là sự kết hợp tài tình giữa nét cổ điển và hiện đại được thể hiện trong thể thơ bảy chữ niêm luật không thất, dồi dào về âm điệu, nhạc điệu gọi về cho ta những đặc điểm của bất kì con sông nào của quê hương ẩn đằng sau đó là cái tôi trữ tình đáng quý, đáng trân trọng.

## Bài văn mẫu số 2: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang

“Tràng giang” là một trong những bài thơ tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Cảm hứng chủ đạo trong bài thơ chính là một cái tôi cô đơn, lạc lõng và đầy nỗi ưu phiền.

Nhan đề và lời đề tựa đã thu tóm cảm xúc chủ đạo của cả bài thơ. Từ Hán Việt “tràng giang” với vần “ang” tạo sự lan tỏa đến mọi khía cạnh của ko gian. Bài thơ mở đầu bằng cảnh sông nước mênh mông vô tận:

*“Sóng gợn Tràng Giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song.”*

Từ láy “điệp điệp” gợi cảm xúc buồn vô tận của lòng người, “song song” gợi ta liên tưởng đến những đợt sóng trải dài. Nỗi buồn của cái tôi trữ tình cứ thế trải dài theo sông nước miên man, trùng trùng lớp lớp nối tiếp nhau vô tận.

*“Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng.”*

Con thuyền cùng dòng nước vốn thương bên nhau mà nay cũng có sự xa cách: Thuyền đi để nước ở lại. Cành củi nhỏ không biết đi đâu về đâu để rồi lại trôi nổi đến “lạc”. Cảnh sông nước mênh mông đã gợi tâm trạng cô đơn lạc lõng của một cái tôi trữ tình giàu nhạy cảm..

*“Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”*

Cặp từ láy “lơ thơ” và “đìu hiu” gợi lên được sự buồn bã, quạnh vắng, cô đơn. Đã bắt đầu xuất hiện con người trong buổi chợ chiều nhưng đó cũng chỉ là một sự nghi vấn của nhà thơ. Từ đằng xa, tiếng chợ chiều vắng lại nhưng cũng sắp “vãn”. Không gian vẫn mang một nỗi buồn u uất. Đến khổ ba, ấn tượng về cảnh tượng chia li lại một lần nữa được nhắc lại:

*“Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.”*

Cái tôi trữ tình càng trở nên lạc lõng giữa dòng sông không một chuyến đò, xung quanh chỉ là những cánh bèo trôi dạt. Vừa có ý tả cảnh, nhưng đồng thời nhà thơ cũng như đang ví mình giống như cánh bèo kia: trôi nổi, vô định. Cảnh vật đã mang chút sắc màu tươi tốt: “bờ xanh”, “bãi vàng” nhưng cũng vẫn còn hoang sơ. Nỗi mong mỏi lớn nhất của Huy Cận lúc này đây là được giao cảm, chuyện trò nhưng không một ai “gợi chút niềm thân mật”. Cái tôi trữ tình trở nên cô đơn, lạc lõng. Từ đó, thi sĩ bày tỏ nỗi niềm thầm kín:

*“Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa,”*

Giữa khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, cánh chim bay giữa trời trong buổi chiều tà như bị nuốt chửng bởi không gian bao la đó. Đường như không gian càng rộng lớn lại càng khiến ông cảm thấy rộn ngợp bấy nhiêu.

*“Lòng quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.”*

Khát khao lớn nhất của cái tôi trữ tình giờ mới được bộc lộ: đó là niềm mong ước, khát khao trở về với quê hương. Bài thơ lúc này bỗng trở nên thấm đượm tình yêu đất nước.

Mang chất liệu cổ điển đến với thơ mới, Huy Cận đã đem đến cho người đọc một cảm giác vừa lạ vừa thân thuộc. Khác với cái tôi trữ tình của Xuân Diệu, cái tôi trữ tình của Huy Cận chứa đựng những nỗi buồn, nhớ nhung da diết về quê hương đất nước. Nó cho thấy một tình yêu quê hương âm ỉ trong trái tim của người thi sĩ tài năng này.

### **Bài văn mẫu số 3: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang**

Trong thơ Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, thiên nhiên rất đẹp, quyền rũ nhưng nó thường phủ bởi một nỗi buồn. Đất nước, thiên nhiên trong bài thơ Tràng giang cũng thấm sâu một nỗi buồn như thế. Bài thơ thể hiện tâm trạng của “cái tôi trữ tình” cô đơn, thấm đượm nỗi sầu nhân thế trước thiên nhiên mênh mông, hiu quạnh và tấm lòng yêu nước thầm kín của Huy Cận.

Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám. Bài thơ được trích từ tập “Lửa thiêng”, được sáng tác khi Huy Cận đứng ở bờ Nam bến Chèm sông Hồng, nhìn cảnh mênh mông sóng nước, lòng vời vợi buồn, cảm cảnh cho kiếp người nhỏ bé, nổi trôi giữa dòng đời vô định. Mang nỗi u buồn hoài như thế nên bài thơ vừa có nét đẹp cổ điển lại vừa đượm nét hiện đại, đem đến sự thích thú, yêu mến cho người đọc.

*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài  
Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

.....  
*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Ngay từ nhan đề, Huy Cận đã khéo gợi lên vẻ đẹp cổ điển lại hiện đại cho bài thơ. Tràng giang là một cách nói chệch đầy sáng tạo của Huy Cận. Hai âm “ang” đi liền nhau đã gợi lên trong người đọc cảm giác về con sông, không chỉ dài vô cùng mà còn rộng mênh mông, bát ngát. Hai chữ Tràng giang mang sắc thái cổ điển trang nhã, gợi liên tưởng về dòng Trường giang trong thơ Đường thi, một dòng sông của muôn thuở vĩnh hằng, dòng sông của tâm tưởng.

Tứ thơ Tràng giang mang nét cổ điển như thơ xưa: Nhà thơ thường ẩn đằng sau cái mênh mông sóng nước, không như các nhà thơ mới thường thể hiện cái tôi của mình. Nhưng nếu các thi nhân xưa tìm đến thiên nhiên để mong hòa nhập, giao cảm, Huy Cận lại tìm về thiên nhiên để

thể hiện nỗi ưu tư, buồn bã về kiếp người cô đơn, nhỏ bé trước vũ trụ bao la. Đó cũng là vẻ đẹp đầy sức quyến rũ của tác phẩm, ẩn chứa một tinh thần hiện đại.

Lời đề từ giản dị, ngắn gọn với chỉ bảy chữ nhưng đã thu tóm được cảm xúc chủ đạo của cả bài: “Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài”. Trước cảnh “trời rộng”, “sông dài” sao mà bát ngát, mênh mông của thiên nhiên, lòng con người dậy lên tình cảm “bâng khuâng” và nhớ. Từ láy “bâng khuâng” được sử dụng rất đặc địa, nó nói lên được tâm trạng của chủ thể trữ tình, buồn bã, u sầu, cô đơn, lạc lõng. Và con “sông dài”, nghe miên man tít tắp ấy cứ vỗ sóng đều đặn khắp các khổ thơ, cứ cuộn sóng lên mãi trong lòng nhà thơ làm rung động trái tim người đọc.

Và ngay từ khổ thơ đầu, người đọc đã bắt gặp những con sóng lòng đầy ưu tư, sầu não như thế:

*Sóng gợn Tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Cúi một cảnh khô lạc mấy dòng.*

Vẻ đẹp cổ điển của bài thơ được thể hiện khá rõ ngay từ bốn câu đầu tiên này. Hai từ láy nguyên “điệp điệp”, “song song” ở cuối hai câu thơ mang đậm sắc thái cổ kính của Đường thi. Và không chỉ mang nét đẹp ấy, nó còn đầy sức gợi hình, gợi liên tưởng về những con sóng cứ loang ra, lan xa, gối lên nhau, dòng nước thì cứ cuốn đi xa tận nơi nào, miên man miên man. Trên dòng sông gợn sóng “điệp điệp”, nước “song song” ấy là một “con thuyền xuôi mái”, lững lờ trôi đi. Trong cảnh có sự chuyển động là thế, nhưng sao chỉ thấy vẻ lặng tờ, mênh mông của thiên nhiên, một dòng Tràng giang dài và rộng bao la không biết đến nhường nào.

Dòng sông thì bát ngát vô cùng, vô tận, nỗi buồn của con người cũng đầy ăm ắp trong lòng:

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Cúi một cảnh khô lạc mấy dòng.*

Thuyền và nước vốn đi liền nhau, thuyền trôi đi nhờ nước xô, nước vỗ vào thuyền. Thế mà Huy Cận lại thấy thuyền và nước đang chia lìa, xa cách “thuyền về nước lại”, nghe sao đầy xót xa. Chính lẽ vì thế mà gợi nên trong lòng người nỗi “sầu trăm ngả”. Từ chỉ số nhiều “trăm” hô ứng cùng từ chỉ số “mấy” đã thổi vào câu thơ nỗi buồn vô hạn.

Tâm hồn của chủ thể trữ tình được bộc lộ đầy đủ nhất qua câu thơ đặc sắc: “Cúi một cảnh khô lạc mấy dòng”. Huy Cận đã khéo dùng phép đảo ngữ kết hợp với các từ ngữ chọn lọc, thể hiện nỗi cô đơn, lạc lõng trước vũ trụ bao la. “Một” gợi lên sự ít ỏi, nhỏ bé, “cảnh khô” gợi sự khô héo, cạn kiệt nhựa sống, “lạc” mang nỗi sầu vô định, trôi nổi, bập bênh trên “mấy dòng” nước thiên nhiên rộng lớn mênh mông. Cảnh cúi khô đó trôi dạt đi nơi nào, hình ảnh giản dị, không tô vẽ mà sao đầy rợn ngợp, khiến lòng người đọc cảm thấy trống vắng, đơn côi.

Nét đẹp cổ điển “tả cảnh ngụ tình” thật khéo léo, tài hoa của tác giả, đã gợi mở về một nỗi buồn, u sầu như con sóng sẽ còn vỗ mãi ở các khổ thơ còn lại để người đọc có thể cảm thông, thấu hiểu về một nét tâm trạng thường gặp ở các nhà thơ mới. Nhưng bên cạnh đó ta cũng nhìn ra một vẻ đẹp hiện đại rất thi vị của khổ thơ. Đó là ở cách nói “Cúi một cảnh khô” thật đặc biệt,

không chỉ thấu cảm xúc của toàn khổ, mà còn hé mở tâm trạng của nhân vật trữ tình, một nỗi niềm đơn côi, lạc lõng.

Nỗi lòng ấy được gợi mở nhiều hơn qua hình ảnh quạnh vắng của không gian lạnh lẽo:

*Lơ thơ còn nhỏ gió điều hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

Hai từ láy “lơ thơ” và “điều hiu” được tác giả khéo sắp xếp trên cùng một dòng thơ đã vẽ nên một quang cảnh vắng lặng. “Lơ thơ” gợi sự ít ỏi, bé nhỏ “điều hiu” lại gợi sự quạnh quẽ. Giữa khung cảnh “còn nhỏ”, gió thì “điều hiu”, một khung cảnh lạnh lẽo, tiêu điều ấy, con người trở nên đơn côi đến độ thốt lên “Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều”. Chỉ một câu thơ mà mang nhiều sắc thái, vừa gợi “đâu đó”, âm thanh xa xôi, không rõ rệt, có thể là câu hỏi “đâu” như một nỗi niềm khao khát, mong mỏi của nhà thơ về một chút sự hoạt động, âm thanh sự sống của con người. Đó cũng có thể là “đâu có”, một sự phủ định hoàn toàn, chung quanh đây chẳng hề có chút gì sống động để xua bớt cái tịch liêu của thiên nhiên.

Đôi mắt nhân vật trữ tình nhìn theo nắng, theo dòng trôi của sông:

*Nắng xuống, trời lên sâu chót vót,  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

“Nắng xuống, trời lên” gợi sự chuyển động, mở rộng về không gian, và gợi cả sự chia lìa: bởi nắng và trời mà lại tách bạch khỏi nhau. “sâu chót vót” là cảnh diễn đạt mới mẻ, đầy sáng tạo của Huy Cận, mang một nét đẹp hiện đại. Đôi mắt nhà thơ không chỉ dừng ở bên ngoài của trời, của nắng, mà như xuyên thấu và cả vũ trụ, cả không gian bao la, vô tận. Cõi thiên nhiên ấy quả là mênh mông với “sông dài, trời rộng”, còn những gì thuộc về con người thì lại bé nhỏ, cô đơn biết bao: “bến cô liêu”.

Vẻ đẹp cổ điển của khổ thơ hiện ra qua các thi liệu quen thuộc trong Đường thi như: sông, trời, nắng, cuộc sống con người thì buồn tẻ, chán chường với “vãn chợ chiều”, mọi thứ đã tan rã, chia lìa.

Nhà thơ lại nhìn về dòng sông, nhìn cảnh xung quanh mong mỏi có chút gì quen thuộc mang lại hơi ấm cho tâm hồn đang chìm vào giá lạnh, về cô đơn. Nhưng thiên nhiên đã đáp trả sự khao khát ấy bằng những hình ảnh càng quạnh quẽ, điều hiu:

*Bèo dạt về đâu, hàng nổi hàng,  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cần gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Hình ảnh cánh bèo trôi bồng bềnh trên sông là hình ảnh thường dùng trong thơ cổ điển, nó gợi lên một cái gì bấp bênh, nổi trôi của kiếp người vô định giữa dòng đời. Nhưng trong thơ Huy Cận không chỉ có một hay hai cánh bèo, mà là “hàng nổi hàng”. Bèo trôi hàng hàng càng khiến lòng người rợn ngợp trước thiên nhiên, để từ đó cõi lòng càng đau đớn, cô đơn. Bên cạnh hàng nổi hàng cánh bèo là “bờ xanh tiếp bãi vàng” như mở ra một không gian bao la vô cùng, vô tận,

thiên nhiên nối tiếp thiên nhiên, đường không có con người, không có chút sinh hoạt của con người, không có sự giao hoà, nối kết:

*Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật.*

Tác giả đưa ra cấu trúc phủ định. “...không ...không” để phủ định hoàn toàn những kết nối của con người. Trước mắt nhà thơ giờ đây không có chút gì gợi niềm thân mật để kéo mình ra khỏi nỗi cô đơn đang bao trùm, vây kín, chỉ có một thiên nhiên mênh mông, mênh mông. Cầu hay chuyến đò ngang, phương tiện giao kết của con người, dường như đã bị cõi thiên nhiên nhấn chìm, trôi đi nơi nào.

Huy Cận lại khéo vẽ nét đẹp cổ điển và hiện đại cho bầu trời trên cao:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa.*

Bút pháp chấm phá với “mây cao đùn núi bạc” thành “lớp lớp” đã khiến người đọc tưởng tượng ra những núi mây trắng được ánh nắng chiếu vào như dát bạc. Hình ảnh mang nét đẹp cổ điển thật trữ tình và lại càng thi vị hơn khi nó được khơi nguồn cảm hứng từ một tứ thơ Đường cổ của Đỗ Phủ:

Mặt đất mây đùn cửa ải xa.

Huy Cận đã vận dụng rất tài tình động từ “đùn”, khiến mây như chuyển động, có nội lực từ bên trong, từng lớp từng lớp mây cứ đùn ra mãi. Đây cũng là một nét thơ đầy chất hiện đại, bởi nó đã vận dụng sáng tạo từ thơ cổ điển quen thuộc.

Và nét hiện đại càng bộc lộ rõ hơn qua dấu hai chấm thần tình trong câu thơ sau. Dấu hai chấm này gợi mối quan hệ giữa chim và bóng chiều: Chim nghiêng cánh nhỏ kéo bóng chiều, cùng sa xuống mặt Tràng giang, hay chính bóng chiều sa, đè nặng lên cánh chim nhỏ làm nghiêng lệch cả đi. Câu thơ tả không gian nhưng gợi được thời gian bởi nó sử dụng “cánh chim” và “bóng chiều”, vốn là những hình tượng thẩm mỹ để tả hoàng hôn trong thơ ca cổ điển.

Nhưng giữa khung cảnh cổ điển đó, người đọc lại bắt gặp nét tâm trạng hiện đại:

*Lòng quê dợn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

“Dợn dợn” là một từ láy nguyên sáng tạo của Huy Cận, chưa từng thấy trước đó. Từ láy này hô ứng cùng cụm từ “vời con nước” cho thấy một nỗi niềm băng khuâng, cô đơn của “lòng quê”. Nỗi niềm đó là nỗi niềm nhớ quê hương khi đang đứng giữa quê hương, nhưng quê hương đã không còn. Đây là nét tâm trạng chung của nhà thơ mới lúc bấy giờ, một nỗi lòng đau xót trước cảnh mất nước.

Bên cạnh tâm trạng hiện đại ấy là từ thơ cổ điển được gợi từ câu thơ: “Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai” của Thôi Hiệu. Xưa Thôi Hiệu cần vịn vào sóng để mà buồn, mà nhớ, còn Huy

Cận thì buồn mà không cần ngoại cảnh, bởi từ nỗi buồn nó đã sâu sắc lắm rồi. Thế mới biết tấm lòng yêu quê hương thấm thiết đến nhường nào của nhà thơ hôm nay.

Cả bài thơ vừa mang nét đẹp cổ điển, vừa mang nét hiện đại. Vẻ đẹp cổ điển được thể hiện qua lối thơ bảy chữ mang đậm phong vị Đường thi, qua cách dùng từ lấy nguyên, qua việc sử dụng các thi liệu cổ điển quen thuộc như: mây, sông, cánh chim... Và trên hết là cách vận dụng các câu thơ cổ điển, gọi cho bài thơ không khí cổ kính, trầm mặc của thơ Đường.

Vẻ đẹp hiện đại lan toả qua các câu chữ sáng tạo, độc đáo của nhà thơ như “sâu chót vót”, dấu hai chấm thần tình. Nhưng vẻ đẹp ấy đọng lại cuối cùng là tâm trạng nhớ quê hương ngay khi đứng giữa quê hương, nét tâm trạng hiện đại của các nhà tri thức muốn đóng góp sức mình cho đất nước mà đành bất lực, không làm gì được.

Tràng giang sẽ còn mãi đi vào lòng người với phong cách tiêu biểu rất “Huy Cận”, với vẻ đẹp cổ điển trang nhã sâu lắng và vẻ đẹp hiện đại mang nặng một tấm lòng yêu nước, yêu quê hương.

#### ***Bài văn mẫu số 4: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang***

Trong phong trào thơ mới và trong cả nền văn học Việt Nam hiện đại, Xuân Diệu và Huy Cận đều là hai nhà thơ lớn, những tên tuổi hàng đầu có những đóng góp to lớn cho nền văn học của nước nhà. Hai nhà thơ này lại chính là những người bạn thân thiết, đến độ tri âm, tri kỷ thế nhưng mỗi một nhà thơ lại có riêng cho mình một nỗi ám ảnh, một niềm suy tư riêng về cuộc đời. Nếu như Xuân Diệu suốt một đời thơ cứ mang một nỗi ám ảnh thời gian, thiết tha với một lòng nồng nàn yêu thương cuộc sống đầy rạo rục, cháy bỏng. Thì Huy Cận trong những năm trước cách mạng lại thường mang một nỗi ám ảnh không gian, với tâm hồn đa sầu, đa cảm, thơ của ông luôn chất chứa những nỗi buồn thế sự, mệnh mang của một cái tôi trữ tình bơ vơ, lạc lõng trước thời cuộc rối ren. Và cái tôi trữ tình buồn bã, đầy ám ảnh không gian ấy hiện lên thật rõ ràng trong bài thơ Tràng giang, bài thơ đã đưa tên tuổi của Huy Cận vụt sáng thành một trong những gương mặt tiêu biểu của phong trào thơ mới giai đoạn 1932-1941.

Huy Cận (1919-2005), tên khai sinh là Cù Huy Cận, ông vừa là một chính khách có nhiều năm hoạt động trong bộ máy nhà nước đồng thời cũng là một nhà thơ xuất sắc của phong trào Thơ mới. Trước Cách mạng thơ của ông đẹp nhưng thường mang những nỗi buồn da diết vô định của một cái tôi trữ tình đầy sầu não trước trời đất bao la, đó là những buồn thương cho kiếp người, cho cuộc đời, buồn thương cho hoạt cảnh đất nước đầy rối ren, phức tạp, là sự bất lực của người thi sĩ. Sau cách mạng thơ của ông như được thay một tinh thần mới, vui tươi lạc quan, ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người, và vẫn là những vẻ đẹp của thiên nhiên bao la rộng lớn được ông chú ý ca ngợi nhiều hơn cả. Một số tác phẩm tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận phải kể đến như tập Lửa thiêng, Vũ trụ ca, Trời mỗi ngày lại sáng.

Tràng giang trích trong tập Lửa thiêng, lấy cảm hứng cảnh mệnh mông sông nước của sông Hồng kết hợp với cái tôi trữ tình đầy sầu thương, đa cảm, chất thơ vừa cổ điển của thơ Đường lại xen lẫn hiện đại của văn học Pháp, đã đánh dấu phong cách của nhà thơ trước một rừng các nhà thơ mới cùng thời. Đồng thời thể hiện được những nỗi lòng thầm kín của mình về cuộc đời, về kiếp người bơ vơ, lạc lõng giữa dòng đời như dòng nước mệnh mang, qua đó thể hiện tấm lòng yêu quê hương đất nước âm thầm, sâu sắc.

Chưa cần đi sâu vào đọc hiểu bài thơ, chúng ta cũng đã dễ dàng nhận thấy cái tôi trữ tình trong tác phẩm là một cái tôi mang đầy nỗi cô đơn lạc lõng, đó là tâm hồn của một con người nhỏ bé, một thanh niên trẻ tuổi nhưng đa sầu, đa cảm khi đối mặt với thiên nhiên rộng lớn, đối mặt với con sông Hồng mênh mông sóng nước, khung trời bao la, nhưng cảnh vật lại quá đổi thưa thớt. Nhan đề "Tràng giang" với âm điệu vang vọng của điệp âm "ang", kéo dài và mở rộng ra cái không gian rộng lớn của dòng sông, đó là không gian vũ trụ bao la, và lạnh lẽo, cô quạnh trong tâm hồn tác giả. Hơn thế nữa cái tôi trữ tình của tác giả còn thể hiện ở cách dùng từ, nhan đề "Tràng giang" là một từ Hán Việt, mang sắc thái cổ điển, càng tô đậm nên cái nỗi buồn của người thi sĩ, nỗi cô tịch, hồi tưởng về quá khứ với chiều sâu của mấy ngàn năm lịch sử huy hoàng, để khiến độc giả liên tưởng đến nỗi buồn thời cuộc của các bậc trí thức đương thời. Huy Cận không chỉ đích danh con sông Hồng đã khơi nguồn cảm hứng, mà chỉ gọi là "Tràng giang" dường như chỉ chung tất cả những con sông chảy trôi trên mảnh đất hình chữ S. Và tương tự thì những nỗi niềm, những tâm tư của tác giả cũng chính là nỗi niềm chung của thế hệ thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ, đó là tâm trạng của những người con sống giữa quê hương, đất nước mến yêu, nhưng tâm hồn luôn cảm thấy lạc lõng, cô đơn, bởi một nỗi đau đớn bất lực trước thời cuộc, trước nỗi đau nước mất nhà tan.

Lời đề từ "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài" này cùng kết hợp với nhan đề đã hé mở nội dung và cảm xúc chủ đạo của bài thơ, viết về một không gian rộng lớn mang tâm vóc vũ trụ, có chiều rộng của bầu trời, chiều dài vô tận của dòng sông, và khoảng cách cao xa giữa trời và nước. Từ đó cái tôi cá thể giữa không gian ấy mới hiện rõ ra, thức dậy những cảm xúc bâng khuâng, những nỗi nhớ vô định hình của một hồn thơ cô độc, lẻ loi giữa trời đất bao la, bát ngát, trước cái lạnh lẽo mà sông nước mang đến.

*"Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.  
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng."*

Nỗi buồn trong lòng của thi nhân chẳng chất chứa riêng trong tâm hồn mà theo tầm mắt của tác giả đã lan rộng ra khắp mọi cảnh vật tựa như câu thơ mà Nguyễn Du đã viết cho nàng Kiều bạc mệnh của ông rằng "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Chàng thanh niên Huy Cận cũng vậy, đôi mắt buồn và cô đơn ấy khi ngắm nhìn con sông rộng lớn cũng khiến con sông ấy nhuộm hẳn một màu sắc u buồn ảm đạm như chính cái tâm hồn của thi nhân. Đó không phải là một nỗi buồn khủng hoảng, mãnh liệt mà là nỗi buồn âm thầm, nhỏ nhẹ tựa như những gợn sóng trên mặt tràng giang, buồn một nỗi buồn "điệp điệp", có tính tuần hoàn, luân quần không lối thoát. Sự xuất hiện của con thuyền, của dòng nước vẽ nên một màu sắc cổ điển quen vón thường xuất hiện trong thi ca cổ, độc giả dường như bắt gặp một luồng sinh khí mới giữa con sông rộng lớn ấy. Bởi bấy lâu nay thuyền và nước luôn là một cặp đôi song hành, nước đẩy thuyền, thuyền xuôi theo mái nước "song song", rất đổi hòa hợp êm đềm. Nhưng hình ảnh thuyền, nước đi vào thơ của Huy Cận lại chẳng còn được cái cảnh êm đềm như vậy nữa mà nó lại mang cảm giác chia ly, thuyền và nước cũng đi "song song" đấy, nhưng lại là hai kẻ cùng đường ngược hướng, khó tương phùng. Thuyền cô đơn, nước cũng lẻ bóng, trên dòng sông rộng, nước mênh mông lại là nỗi "sầu trăm ngả" giăng kín. Hình ảnh "Củi một cành khô lạc mấy dòng", khác với hình ảnh thuyền - nước ước lệ cổ điển, thì hình ảnh này lại mang trong mình những nét hiện đại mới mẻ, là ẩn dụ cho chính cái tôi trữ tình đầy dự cảm chia ly, lạc lõng của tác giả. Cũng là chỉ những số kiếp con người trong khốn cảnh lạc lõng, bơ vơ giữa dòng sông cuộc đời mà thuyền nước mỗi cái một nẻo, chẳng giao hòa, chẳng có lấy một chút âm áp, hy vọng. Cảnh củi khô Huy Cận nổi lên



phênh trên mặt nước, không có lấy một chút sức nặng trong cuộc đời, dần gọi ra những nỗi đau bất lực trước thời cuộc, nỗi day dứt về một cuộc đời mặc sức cho dòng chảy của thế sự đẩy đưa và chưa tìm ra cách để kháng cự của cái tôi trữ tình đầy suy tư, sâu nã.

Nếu nhìn gần Huy Cận chẳng thể cảm thấy được hơi ấm từ khung cảnh sông nước, mà chỉ thấy lòng thêm lạc lõng cô đơn thì ông quyết định tìm kiếm hơi ấm ấy ở một khung cảnh khác, xa hơn, rộng hơn.

*"Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu."*

Nhưng có lẽ hồn thơ Huy Cận đã phải thất vọng thật nhiều, bởi cái ông thấy lại cũng chẳng có chút hơi ấm nào, mà trái lại càng đem đến sự quanh quẽ, bởi đó là một không gian khác thậm chí còn hoang vắng, hiu hắt hơn nhiều. Từ lấy "lơ thơ" đem đến cảm giác quá đỗi thưa thớt, bất định và xa xăm của những cồn cát nhỏ thấp thoáng trên dòng sông rộng, rồi thêm vài ngọn gió "đều hiu" lại càng tăng thêm cái ám ảnh hoang vắng, lạnh lẽo trong tâm hồn thi sĩ. Huy Cận còn tô đậm thêm cái cảnh hoang sơ, tịch liêu ấy bằng câu thơ "Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều", những tưởng đôi mắt buồn đã tìm được chốn vui, nhưng không phải, bởi thực tế chẳng dễ gì mà lắng tai nghe được những âm thanh chỉ thấp thoáng từ phía xa. Thế nhưng thi nhân vẫn còn có thể nghe được tiếng vãn chợ của làng xa, vậy chẳng phải chứng tỏ rằng không gian xung quanh tác giả đang ở trạng thái vô cùng tĩnh lặng, tịch liêu đến ám ảnh đầy sao? Hóa ra cả câu thơ là nghệ thuật lấy động chế tĩnh, lấy cái ồn ào nho nhỏ để gọi lên cái sự yên tĩnh đến vô cùng của không gian. Và so sánh với cái tiếng ồn ào, nhộn nhịp của làng xa, nhân buổi chợ chiều, thì chính bản thân tác giả lại càng cảm thấy bản thân càng thêm cô độc, bởi tại nơi sông nước này chỉ có bản thân thi sĩ nhận biết được sự tồn tại của những con người ấy, còn bao nhiêu con người ngoài kia liệu có biết sự tồn tại của nhà thơ, một con người đang quá đỗi lạc lõng bên bến sông im lìm. Tiếp đến hai câu thơ "Nắng xuống, trời lên sâu chót vót/Sông dài, trời rộng, bến cô liêu" một lần nữa lại càng tô đậm cái không gian rộng lớn, nhấn mạnh cái sự xa cách của trời và đất, của sông và bến, bằng những tiểu đối độc đáo và mới mẻ, dường như mọi vật trong vũ trụ đều trở nên xa cách nhau, chúng cũng lẻ bóng như chính cái tâm hồn đơn độc của nhân vật trữ tình.

*"Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng"*

Đến khổ thơ thứ ba sự cô đơn lạnh lẽo trong tâm hồn của tác giả lại càng trở nên mạnh mẽ và sâu sắc hơn cả. Người ta tiếp tục thấy một tư liệu cổ điển xuất hiện đó là hình ảnh "bèo", thế nhưng bèo trong thơ ông không phải chỉ những kiếp người rẻ mạt, bấp bênh, mà bèo ở đây cũng tương tự với hình ảnh cành củi khô, cũng mang số kiếp nhẹ bẫng, nổi trôi mặc cho dòng nước xô đẩy, không xác định được bến đỗ cuối của cuộc đời, cũng giống như tâm hồn thi nhân cô đơn, lạc lõng trước dòng đời biến động. Phóng tầm mắt khắp mặt sông sóng gợn, Huy Cận chỉ mong thấy bóng một "chuyến đò ngang", nhưng không có vẫn hoàn không có, cả khúc sông mênh mông như thế mà chỉ có duy nhất một mình tác giả cô độc, chẳng phải cái nỗi tịch liêu càng nhân lên gấp bội. Cảnh sắc thiên nhiên cứ lạnh lùng, không hơi ấm, không một chút niềm thân mật, chỉ có một không gian bao la cứ dần trải ra mãi kéo theo cái tâm hồn đầy ưu tư của tác giả lặng

lẽ nhìn "bờ xanh tiếp bãi vàng", tuyệt không còn một phong cảnh nào khác, buồn tẻ vô cùng, nhạt nhẽo một nỗi buồn vô cùng tận.

*"Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.  
Lòng quê dợn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà"*

Đến khổ thơ cuối khung cảnh mênh mông của vũ trụ tiếp tục được mở rộng ra với hình ảnh của mây và núi, đó lại tiếp tục là một hình ảnh thiên nhiên quá đỗi hùng vĩ, là từng tầng mây lớn "lớp lớp" chồng lên nhau ôm lấy những ngọn núi cao chót vót thành khung cảnh kỳ vĩ "mây cao đùn núi bạc". Và giữa một khung cảnh đẹp đẽ, bao la, rộng lớn người ta bỗng thấy sự xuất hiện một cánh chim nhỏ bé, cô đơn, đang chao nghiêng đôi cánh trước "bóng chiều sa" in hằn trong cái nền trời, nền núi mênh mông. Cánh chim ấy cũng lại là một thi liệu cổ điển rất đỗi quen thuộc, cánh chim nhỏ bơ vơ, cô độc tung cánh trong không gian vũ trụ rộng lớn, nhưng mãi chẳng thấy được một cành cây nhỏ để dừng chân, có lẽ cánh chim đã mỏi mệt, có lẽ cánh chim này đã phải cô đơn đến tận cùng. Và tận cùng nỗi cô đơn tâm hồn thi sĩ, cái tôi trữ tình dần chuyển hướng về nỗi nhớ quê hương tha thiết "Lòng quê dợn dợn vời con nước/Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà", nỗi nhớ ấy sâu sắc, thiết tha nên chẳng cần đến "khói hoàng hôn" cũng đã dâng trào trong hồn thơ Huy Cận. Ngẫm lại thật kỹ, thi nhân đứng trên mảnh đất quê hương nhưng lại mang nỗi sầu muộn, nhưng nhớ quê hương, từ đó ta mới vỡ lẽ ra rằng thật sâu trong đó chính là nỗi buồn chung của cả một thế hệ, là nỗi buồn nước mất nhà tan, là niềm suy tưởng về một tổ quốc mấy ngàn năm văn hiến anh hùng nay bỗng trở thành đất nước nô lệ, chịu cảnh rối ren. Thi nhân càng nghĩ lại càng thấy đau xót, chán chường, thấy muốn buông bỏ trong sự bất lực trước thời đại.

Huy Cận với một hồn thơ thường buồn, có lẽ đó là cái buồn cái suy tư bẩm sinh từ trong bụng mẹ, ông mang giọt lệ sầu âm đạm, đậm ưu tư kết hợp với cái nỗi ám ảnh không gian sâu sắc để sáng tạo ra một thi phẩm xuất sắc như Tràng giang. Cái tôi trữ tình trong bài thơ đó là một cái tôi thật lẻ loi, cô độc mang những nỗi sầu, những cảm giác bất lực, bế tắc trước những đống đau của quê hương đất nước, mà một thi nhân với lòng yêu quê hương, đất nước sâu sắc như Huy Cận lại phải chịu cảnh bó tay, trơ mắt nhìn đất nước ngày càng tàn tạ, rối ren.

### ***Bài văn mẫu số 5: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang***

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới với cái "tôi" trữ tình độc đáo, không lẫn lộn với bất kỳ tác giả nào. Thơ của Huy Cận trước cách mạng tháng Tám với nỗi buồn sầu mênh mang, ẩn chứa những tâm sự thâm kín với đời, và với đất nước. Bài thơ "Tràng Giang" là một bài thơ tiêu biểu cho phong cách đó và phần nào lột tả được cái tôi trữ tình Huy Cận.

"Tràng Giang" là bài thơ được lấy cảm hứng từ một dòng sông, với điểm nhìn mới mẻ, tác giả đã gửi gắm vào đó những tâm sự không phải ai cũng thể hiện. Lời đề từ "Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài" đã hé lộ cho người đọc về cái "tôi" u buồn, mang nỗi sầu nhân thế của tác giả. Dường như hình ảnh con sông dài mênh mang và bầu trời cao rộng vô biên đã khiến tác giả thấy mình trở nên nhỏ bé và hiu quạnh. Người đọc bắt đầu thấm thía cái tình, cái tôi riêng biệt của Huy Cận khi nghĩ về người, về đời.

Giọng văn buồn man mác với khung cảnh thiên nhiên u ám, đẹp nhưng buồn, một nỗi buồn không tên đã càng khiến cho Huy Cận thấy mình lạc lõng, chơi vơi:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củ một cành khô lạc mấy dòng*

Một bức tranh thiên nhiên đẹp, có cảnh sông nước mênh mang, có con thuyền trôi xuôi mái rất thi vị nhưng "củ một cành khô" lạc vào câu thơ khiến cho nó trở nên buồn man mác. Phải có một cái nhìn tinh tế và tấm lòng đa sầu, đa cảm khiến cho Huy Cận thấy mình dường như bị nuốt chửng giữa thiên nhiên rộng lớn, mênh mông như thế. Cái "tôi" Huy Cận trở nên chơi vơi, lạc lõng và nổi trôi không phương hướng.

Chắc hẳn người đọc sẽ nhận ra được tâm sự của Huy Cận đằng sau những con chữ. Đó là một nỗi niềm thương cảm và xót xa cho chính cuộc đời của mình.

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống trời lên sâu chót vót  
Sông dài trời rộng bến cô liêu*

Ở khổ thơ này thì bóng dáng và âm thanh của con người và cuộc sống đã bắt đầu xuất hiện nhưng dường như nó còn rất mờ nhạt, chỉ là một chấm nhỏ bé xíu giữa cuộc sống chỉ toàn nỗi buồn phiền như thế này. Những hình ảnh "cồn nhỏ", "chợ chiều", "sông dài" như cửa sâu vào tâm hồn nhiều xúc cảm của tác giả những dư vị nhạt nhẽo của cuộc sống. Huy Cận buồn, một nỗi buồn gửi gắm vào thiên nhiên, đất trời. Nỗi buồn ấy như tan ra, quyện chặt lấy tâm hồn đang cần được che chở của tác giả.

Ông cô độc trong chính cuộc sống của mình, thiên nhiên bao trùm lên là một nỗi buồn không biết san sẻ cùng ai. Đây chính là một sự cảm nhận khác biệt của Huy Cận về thiên nhiên, tiêu biểu cho phong cách thơ ông trước cách mạng tháng Tám.

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Hình ảnh những cánh bèo nổi trôi vô định trên dòng sông dường như khiến cho tâm hồn tác giả thêm buồn mênh mông. Huy Cận khát khao được yêu thương, được bao bọc nhưng thiên nhiên hờ hững, lòng người lạnh nhạt khiến chính nhà thơ rơi vào bế tắc.

Khổ cuối cùng của bài thơ dường như đẩy lên đỉnh điểm cái "tôi" nhân vật rất đặc trưng của Huy Cận:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa*

*Lòng quê dọn dọn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Tâm sự nhớ nước, thương nhà thắm kín khiến cho chính bản thân tác giả rơi vào bế tắc và hoang mang. Người đọc tưởng tượng được khung cảnh "chiều sa" ở đây chơi với đến nỗi nê. Tâm sự và tình cảm không biết gửi gắm cùng ai, chỉ thấy buồn và sầu mênh mông.

Huy Cận với tấm lòng đa sầu đa cảm gửi gắm trong những vần thơ buồn khiến cho chính mình hụt hẫng, chơi vơi. Nỗi buồn đan tiếp nỗi buồn, hòa vào thiên nhiên đất trời dư vị cuộc sống buồn và nhạt.

Như vậy cái tôi trữ tình của Huy Cận trong bài thơ "Tràng Giang" khiến người đọc thôn thức và đồng cảm.

### ***Bài văn mẫu số 6: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang***

Nhà phê bình Hoài Thanh đã từng gọi nhà thơ Huy Cận là: "Người gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á. Người khơi dậy cái mạch sâu mấy ngàn năm vẫn ngấm ngấm trong cội đất này". Thực đúng vậy, Huy Cận đã bước vào thi đàn bằng một tâm hồn đa sầu, đa cảm như thế. Và cái tôi ấy đã theo suốt thi nhân trong chặng đường sáng tác thơ ca trước Cách mạng. Nhưng chỉ cần qua Tràng giang bài thơ hay và nổi tiếng nhất, in trong tập "Lửa thiêng" (1940) cái tôi trữ tình của nhà thơ Huy Cận đã được thể hiện đầy đủ và đúng nghĩa nhất.

Để nhận thấy, cái tôi trữ tình trong bài thơ Tràng giang là một cái tôi đầy buồn bã, cô đơn, lạc lõng. Ngay từ lúc bài thơ ra đời, nguồn cảm hứng của nhà thơ xuất phát từ những cảm xúc ấy. Chàng sinh viên Canh nông năm đó, không giấu nổi cảm giác buồn bã, cô đơn trước cảnh sông nước sông Hồng mênh mang. Bởi vậy nhan đề "Tràng giang" và lời đề từ Băng khuâng trời rộng nhớ sông dài, ngay mở đầu đã tạo nên cảm giác con người sao quá nhỏ bé trước không gian rộng lớn, nên nỗi buồn của thi nhân cứ mãi miết trải dài và lan tỏa khắp mọi nơi. Để rồi từ đó, bước vào từng khổ thơ là mỗi lần chạm đến nỗi cô đơn đến rợn ngợp trong lòng người.

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song  
Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng*

Nét buồn bã, cô đơn của cái tôi trữ tình đã hiển hiện ngay ở những dòng thơ đầu tiên. Nhà thơ đã cố gắng tìm kiếm những sự vật để khóa lấp đi cái băng khuâng trước khung cảnh trời rộng, sông dài ở trên. Nhưng ngoại cảnh lại hiện lên với sóng gợn, thuyền xuôi, củi lạc quá nhỏ bé, đối lập với một tràng giang mênh mông, rộng lớn. Đoạn thơ dường như đã gói ghém quá nhiều nỗi sầu ở trong đó. Có con sóng gợn nhỏ, lăn tăn nhưng được nhân hóa buồn điệp điệp như thể sóng lòng buồn bã đã lan tỏa khắp trên mặt sông. Có con thuyền nhưng lại chẳng hề gắn kết với nước, từ lách song song như còng đây nó tự buông trôi, phó mặc tạo ra mối sầu trăm ngả. Nhưng đặc biệt hơn cả là bao tâm sự của cái tôi trữ tình lại gửi gắm vào hình ảnh củi một cành khô ở cuối khổ. Khác hẳn với hai thi liệu cổ trước đó, củi là một hình ảnh rất hiện đại. Nó là vật rất đời thường, chẳng còn sức sống đã trở nên quá nhỏ bé qua số từ một và càng trở nên lạc lõng khi bắt

định, vô phương trước mấy dòng. Nỗi sầu cô đơn đã đẩy cao hơn thành sự bơ vơ, trợ trợ của một thân phận, một kiếp người trôi nổi, bấp bênh.

Cái tôi cố tìm kiếm xa hơn, rộng hơn, phải chăng để khóa lấp đi cái điệu hồn mong manh ấy. Nhưng đúng như Hoài Thanh nói, càng sâu càng lạnh, cái tôi bị choáng ngợp trước một không gian đã mở rộng đến tận cùng của vũ trụ:

*Lơ thơ còn nhỏ gió đều hiu  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống trời lên sâu chót vót  
Sông dài trời rộng bến cô liêu.*

Có còn nhỏ, có làng xa nhưng chẳng hề ấm cúng. Hai từ lách lơ thơ, đều hiu càng làm chiếc còn nhỏ ấy thêm cô quạnh, tiêu sơ. Chút âm thanh của sự sống đâu có thì cũng xa xôi lại còn thêm phần âm ảm, buồn bã vì nó là tiếng vãn chợ chiều. Không gian trải rộng mà vắng lặng, tịch mịch càng chất chứa nỗi lòng buồn bã, cô đơn của thi nhân. Nhưng đúng như những gì chúng ta hay nói về Huy Cận, cái tôi trong thơ ông là cái tôi mang nỗi sầu vũ trụ đã tích tụ cả ngàn năm. Vì thế chẳng có một không gian nào thích hợp bằng không gian vũ trụ để chuyển tải hết nỗi buồn, cô đơn của nhà thơ. Hai câu thơ cuối trong khổ thơ này đã khắc họa điều ấy. Nắng với trời như đang cố tình đẩy ngược nhau xuống – lên để tạo thành một chiều kích chưa bao giờ có - sâu chót vót. Ngoài việc khẳng định sự sáng tạo độc đáo của nhà thơ, có thể thấy từ ngữ này đã lột tả hết thấy cái cao đến tột cùng mà sâu cũng đến tột cùng của khung cảnh. Lại thêm cái dài, cái rộng của sông, của trời nữa, thế là trọn vẹn hết cả cái ba chiều trong khoảng không của vũ trụ bao la. Còn nhỏ, làng xa bỗng đứng lại trở nên quá bé nhỏ, cái tôi trữ tình cũng bé nhỏ như thế, có vót vát, bám víu lấy bến cô liêu không mấy lớn lao mà còn hoang vắng, trống trải. Duy chỉ có một thứ đã căng tràn, chạm đến mọi góc ngách của không gian vũ trụ kia – đó là nỗi buồn. Cái tôi của nhà thơ dường như cố tình lẩn tránh, nhưng đâu nhỏ bé đến đâu thì nỗi buồn đã hóa thành nỗi sầu vũ trụ chẳng thể giấu giếm được nữa.

Và đâu đó trên dòng tràng giang lại bắt chợt hiện ra:

*Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng*

Hình ảnh về sự vật trong Tràng giang có một sự thay đổi rất linh hoạt, phong phú để lột tả hết được cảm xúc của thi nhân. Lần này là một thi liệu quen thuộc trong thơ cổ, nhưng không phải là cánh bèo gợi nên một thân phận nổi trôi, bấp bênh, mà là hàng nối hàng bèo chẳng biết dạt về đâu. Và như thế, bao nhiêu nỗi lòng chất chứa của cả một kiếp người trôi nổi, lênh đênh, vô định trước dòng đời được hiển hiện. Huy Cận sử dụng hình ảnh hàng bèo để nói hộ nỗi sầu nhân thế của cả một thế hệ những nhà thơ trong thời buổi đất nước đã mất tự do. Bèo dạt về đâu? Không thể biết và cũng không có ai biết. Bởi ngay cả trên sông cũng không có lấy một chuyến đò, một cây cầu hay bất cứ một dấu hiệu nào của sự sống con người. Vì thế nỗi cô đơn trào dâng thành nỗi niềm tuyệt vọng, bế tắc. Cái tôi không chỉ lạc lõng, u sầu mà còn tội nghiệp, đáng thương. Hai chữ mênh mông và thân mật sao lại trở nên quá cách xa, vơi vơi như vậy. Để cái cảm giác lặng lẽ nhưng thực chất là ngậm ngùi, xót xa bao trùm lên cả cái sắc xanh, sắc vàng của bờ

bãi, bên sông. Thiên nhiên cuối cùng lại bầu bạn với thiên nhiên, lại tiếp tục gắn bó với nhau nhưng lòng người thì rất đổi xa cách, cô đơn.

Cho rằng cái tôi trong thơ mới luôn cô đơn, buồn bã, nhưng quả thực phải đến Tràng giang cảm xúc về cái tôi như thế mới thực sự thấm thía. Sắc thái cô đơn, u sầu trong bài thơ theo suốt, trải dài cho đến hết tác phẩm.

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa  
Lòng quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

Khung cảnh đã có sự hùng vĩ, tráng lệ hơn của sóng nước, mây trời nhưng vẫn không sao khuất lấp đi được cái cảm giác trống trải, cô đơn. Giữa cái không gian mênh mông, bát ngát, cánh chim nhỏ kia không sao thoát được cái dáng vẻ lơ lửng, đơn độc của trời chiều. Dáng vẻ chao đảo, ngả nghiêng trước lớp lớp mây cao đã đắm bóng chiều làm cho thân sắc của khung cảnh thêm đượm buồn, u uất dội lên trong tâm khảm của thi nhân. Quả thực đến đây, nhà thơ Huy Cận – chỉ cần ông thôi, cái buồn bã, cái cô đơn, lẻ loi của thân phận, kiếp người trước Cách mạng tháng Tám vẫn thấy trong thơ văn lãng mạn đã được thể hiện trọn vẹn, đủ đầy. Mà hơn thế, nỗi sâu ấy như một sức nặng đã đè nén lên cả một khối vũ trụ bao la của thế gian này.

Có lẽ cảm giác cô đơn, sầu não là sắc thái chủ đạo của Tràng giang, nhưng sự thực cái tôi trữ tình của tác giả còn ẩn chứa một nỗi niềm, một tình yêu đất nước đầy tha thiết nhưng thầm kín. Đọc thi phẩm đâu cũng thấy buồn, thấy ủ dột, nhưng nỗi buồn ấy lại gợi dậy từ những rung cảm trong cảnh vật, thiên nhiên của đất nước mình. Sở dĩ Huy Cận không đặt bài thơ theo tên của dòng sông Hồng nơi buổi chiều đi dạo đó, mà ông gọi là “Tràng giang” để chỉ bất cứ dòng sông nào trên đất nước chúng ta cũng đều mênh mang theo điệu hồn của kẻ sĩ “thiếu quê hương”. Ngay cả những sự vật xuất hiện trong bài thơ chỉ là được gợi hứng từ phong vị cổ điển, còn thực chất nó vốn hiện hữu ngay trên dòng sông quê hương. Tuy bài thơ mang nhiều nét cổ xưa nhưng nó lại không hề tượng trưng, ước lệ, có những thứ chân thực đến tầm thường như đã nói ở trên cũng vào thơ một cách tự nhiên và chuyển tải nỗi niềm của thi sĩ. Chọn tràng giang ấy, những sự vật đơn sơ ấy, Huy Cận đã làm người đọc cảm thấy nâng niu, yêu mến xứ sở này vô cùng. Bởi thế mà tâm sự thầm kín về tình yêu quê hương đất nước trong bài thơ đã được nâng lên mang tầm triết lí.

Song có lẽ, dấu thầm kín đến đâu thì cuối bài thơ, nỗi lòng thi nhân mang cảm xúc nhớ nhà đã được thô lộ.

*Lòng quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Từ láy nguyên dợn dợn thực đặc địa, nó không chỉ nói lên được cái nhịp điệu của sóng nước mà còn thấy được nỗi niềm khắc khoải khôn nguôi trong lòng thi nhân. Bởi vậy, dấu được gợi hứng từ ý thơ cổ của Thôi Hiệu, nhà thơ đời Đường của Trung Quốc, trong bài “Hoàng Hạc lâu”, nhưng nhà thơ không cần đến khói sóng mà nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương vẫn đầy da diết. Sở dĩ vậy là bởi vì chính tình yêu và sự gắn bó với quê hương trở thành nỗi niềm thường trực, chẳng cần đến sự tác động của ngoại cảnh, nó cũng tự nó trào dâng. Cảm xúc của cái tôi trữ tình nhờ thế mà càng trở nên thấm thía hơn.

Bằng điệu trầm buồn được toát ra từ một hồn thơ đa cảm mà rất đỗi tinh tế, Tràng giang đã khắc họa một cái tôi trữ tình đậm chất Huy Cận trước cách mạng. Cô đơn, u sầu nhưng luôn đau đáu một tình yêu với quê hương đất nước, cái tôi ấy trong bài thơ nhận được điều nhiều hơn cả sự cảm thông, sẻ chia. Trong những cung bậc của cõi sầu nhân thế ấy, ta thực trân trọng một tài hoa, một tâm hồn như nhà thơ Huy Cận.

### **Bài văn mẫu số 7: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang**

Hồn thơ Huy Cận trước cách mạng là một hồn thơ u hoài, sầu muộn, bài thơ nào cũng phủ đầy một nỗi buồn mênh mang về con người, về thời thế. Cái tôi trữ tình hiện lên u hoài, âm đạm. Bài thơ Tràng giang trong tập Lửa thiêng có thể coi là tác phẩm thể hiện rõ nhất cái tôi man mác buồn, man mác sầu của Huy Cận trước cách mạng tháng tám.

Mở đầu tác phẩm là lời đề từ thắm đẫm tâm trạng và nỗi cô đơn: Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài. Câu thơ đề từ chính là mạch nguồn, khơi gợi mọi cảm xúc trong lòng Huy Cận. Bâng khuâng nhớ về quá khứ, nhớ trời rộng sông dài khi đất nước còn độc lập. Cái bâng khuâng ấy có ẩn chứa cả nỗi buồn, nỗi cô đơn vô tận. Và từ đây mạch cảm hứng, mạch của xúc của Huy Cận đã được triển khai. Mở đầu bài thơ là không gian sông nước điệp điệp, rộng lớn:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp  
Con thuyền xuôi mái nước song song*

Con sóng nhỏ, chỉ gợn đôi chút trên “tràng giang” ấy vậy mà lại điệp điệp, có thể lan tỏa, rộng đến không ngờ. Sóng không chỉ gợn trên sông mà đó còn là sóng lòng của nhân vật trữ tình, những con sóng lòng ấy cứ chồng lên, nối tiếp nhau trải ra mãi. Nỗi buồn càng đậm sắc hơn khi con thuyền lẻ loi, đơn độc trôi trên sông mênh mang. Cái nhìn tâm trạng đã thấm dần sang cảnh vật, một nỗi buồn, cô đơn man mác bàng lảng đâu đây:

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả  
Củi một cành khô lạc mấy dòng*

“Thuyền về” chỉ còn nước ở lại, nỗi sầu trăm ngả cứ thế nhân lên mãi. Hai sự vật có vận động trái chiều nhau, thuyền về, nước ở nhân mạnh vào sự chia li, xa cách, không gian vốn đã cô quạnh, lại càng trở nên đơn côi, rợn ngợp hơn. Nếu nước và thuyền gọi cho người đọc sự xa cách, thì củi lạc mấy dòng lại cho ta thấy sự chênh chao, vô định của con người giữa dòng đời đầy bất trắc. Cái tôi trữ tình trở nên đơn lẻ, lạc lõng giữa những con sóng cuộc đời. Chỉ bằng hình ảnh hết sức chân thực, nhưng Huy Cận đã gọi lên thân phận lạc lõng, đơn lẻ của cả một kiếp người.

Khổ thơ thứ hai mở ra, nỗi cô đơn càng lắng sâu hơn nữa: “Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu/ Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều/ Nắng xuống trời lên sâu chót vót/ Sông dài trời rộng bến cô liêu”. Các từ lơ thơ, đìu hiu gợi nên cái tan tác, tàn tạ của cảnh vật. Huy Cận gắng tìm kiếm âm thanh sự sống trong không gian đó, nhưng nhận lại chỉ là tiếng chợ chiều vãn từ đâu vọng lại nghe không còn rõ, đó cũng có thể là âm thanh do chính ông tưởng tượng ra trong nỗi cô đơn chất chùng. Nghệ thuật đối được sử dụng vô cùng đặc dụng: nắng xuống – trời lên, sông dài – trời rộng, kết hợp với ngôn từ độc đáo “sâu chót vót” “bến cô liêu” đã có thấy sự vận động trái chiều

của những sự vật trong thiên nhiên, đồng thời nhấn mạnh nỗi cô đơn, trống trải trong tâm hồn thi nhân.

*“Bèo dạt về đâu hàng nối hàng  
Mênh mông không một chuyến đò ngang  
Không cầu gợi chút niềm thân mật  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng”*

Hình ảnh cánh bèo trong văn học vốn gợi thân phận lênh đênh, trôi dạt của người phụ nữ. Còn đối với Huy Cận, cánh bèo nối hàng không biết trôi về đâu chính là thân phận của kiếp người lênh đênh, phiêu dạt, của số phận nhân dân ta trong cảnh mất nước. Giữa cái không cùng của vũ trụ, mọi sự vật đều trở nên nhỏ bé, đơn độc đến đáng thương. Mong một chuyến đò đâu chỉ là chở người ta qua sông, mà chuyến đò ấy còn mang đi biết bao nỗi niềm, tâm sự của nhân vật trữ tình. Vậy mà mênh mông không một chuyến đò ngang, chỉ có những bờ xanh lặng lẽ nối tiếp với bãi vàng, trải dài đến vô tận. Trước khung cảnh hoang vắng, tĩnh mịch, nỗi cô đơn của con người càng sâu đậm hơn. Nhu cầu tìm hơi ấm tình người nhưng chỉ gặp phải sự hoang vu, lạnh lẽo của cảnh vật. Buồn lại càng buồn hơn.

Bốn câu thơ cuối đã nhấn mạnh và thể hiện đầy đủ nhất tâm trạng của nhân vật trữ tình:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa*

Bức tranh thiên nhiên hiện lên tuyệt đẹp, những đám mây lớn đùn lên cao, cùng với ánh hoàng hôn tạo nên khung cảnh kỳ vĩ, tuyệt diệu. Nhưng ngọn núi bạc ấy cao bao nhiêu lại trở nên cô độc bấy nhiêu, cũng như nỗi buồn của người thi nhân giữa đất trời. Trong ánh hoàng hôn, trong khoảnh khắc của ngày sắp tàn, bóng chim nhỏ xuất hiện, như bị không gian nuốt chửng. Dấu chấm đặt giữa hai vế câu đem đến nhiều cách hiểu, là cánh chim nghiêng đi vì bóng chiều nặng trĩu, hay bóng chiều phải sa xuống trước cánh chim. Dù hiểu theo cách nào ta vẫn cảm nhận được đầy đủ sự cô đơn, lạc loài của cánh chim giữa vũ trụ bao la, rợn ngợp. Giữa khung cảnh ấy là nỗi buồn khắc khoải của kẻ tha hương:

*Lòng quê dợn dợn vời con nước  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

Câu thơ khiến ta nhớ đến câu thơ của Tô Hiệu: “Yên ba giang thượng sử nhân sầu”. Dù được lấy từ tứ thơ cổ, nhưng câu thơ của Huy Cận vẫn rất mới, rất hiện đại. Nỗi nhớ quê hương da diết, khắc khoải được nhân vật trữ tình bộc lộ một cách trực tiếp. Đằng sau nỗi nhớ quê còn là lòng yêu nước sâu kín mà mãnh liệt của nhân vật trữ tình.

Với ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, linh hoạt trong cách dùng từ, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cổ điển và hiện đại, Huy Cận đã đem đến cho người đọc một bài thơ vô cùng đặc sắc. Bài thơ đã phản ánh tâm trạng, nỗi buồn da diết, khắc khoải của cái tôi trữ tình trước cuộc đời, trước nhân thế. “Tràng giang là một bài thơ ca hát non sông, đất nước, do đó dọn đường cho lòng yêu giang sơn, Tổ quốc” (Xuân Diệu)



## Bài văn mẫu số 8: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang

“Tràng Giang” là một ngọn lửa rực rỡ trong tập thơ “Lửa thiêng” – tập thơ đầu tay của Huy Cận. Bài thơ được sáng tác vào một buổi chiều tháng 9 năm 1939, một buổi chiều buồn khi ông đạp xe trên đê sông Hồng vào mùa nước lũ. Trước dòng sông hùng vĩ và hoang vắng mùa lũ, ông mở rộng lòng mình để tâm hồn trôi nổi theo dòng nước. Cái hữu hạn của con người được đặt vào không gian bao la, “Tràng Giang” hiện lên với một nỗi buồn man mác. Bài thơ thể hiện tâm trạng một “cái tôi trữ tình” sầu đượm, cô đơn trước thiên nhiên hùng vĩ cùng những triết lí sâu xa và lòng yêu nước thầm kín.

Nhìn vào bài thơ trước hết ta thấy ngay tựa đề “Tràng Giang” vô cùng nổi bật. “Tràng Giang” nghĩa là “sông dài”. Người ta từng đi tìm hiểu về con sông trong bài thơ này của Huy Cận nhưng rồi chợt nhận ra điều này là vô nghĩa. Huy Cận không nhắc về một con sông cụ thể nào. Nó có thể là con sông Hồng mùa nước lũ khi ông đi ngang qua và viết bài thơ, nhưng cũng có thể con sông này khởi nguồn từ xa hơn, là con sông quê ông như Ngàn Sâu, Ngàn Phố, Sông Lam, Sông La hay là cả sông Hương nữa. Những con sông luôn nằm trong tiềm thức và luôn gắn bó với ông trong nỗi nhớ quê nhà. “Tràng Giang” không phải là tên sông, nó gọi lên cho người đọc một con sông u hoài trong kỉ niệm của riêng mình. Và đối với bài thơ, nó đúc kết một cách ngắn gọn nội dung tư tưởng và ý đồ nghệ thuật của tác giả: Băng khuâng trời rộng nhớ sông dài.

Những câu thơ đầu tiên đưa ta đến với những ấn tượng về cảnh sông nước bao la trong một không gian mênh mông, bát ngát:

*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,  
Con thuyền xuôi mái nước song song.*

Sự mênh mang của không gian được gọi ra qua từng lớp từng lớp sóng. Sóng lượn nhấp nhô trên dòng sông dài khiến nỗi buồn chất chồng “điệp điệp”. Từ “điệp điệp” vang lên khiến lòng người trĩu nặng, tạo lên một âm điệu trầm buồn còn mãi đọng lại dư âm. Trước không gian rộng lớn của dòng sông ta bắt gặp hình ảnh một con thuyền xa xăm xuôi mái theo những dòng nước song song rong ruổi về cuối chân trời. Cái nhỏ nhoi của con thuyền đơn độc càng làm nổi bật hơn cái rộng dài tưởng như mênh mang của dòng sông. Hai câu thơ với nghệ thuật đặc tả và khả năng khơi gợi đã làm nổi bật lên cái tôi trữ tình của tác giả cũng là cái tôi thơ mới trong Tràng giang: một tâm hồn man mác cô đơn.

Hai câu thơ tiếp:

*Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;  
Củi một cành khô lạc mấy dòng*

“Thuyền về” khuôn mặt sông trở lên heo hút, “nước lại sầu trăm ngả”. “Thuyền” và “nước” di chuyển trái chiều nhau như một sự chia ly xa cách. Con thuyền đơn độc, lẻ loi chỉ xuất hiện một chút trong không gian rộng ngợp rồi lại rời đi để lại nỗi buồn ngổn ngang, trăm mối tơ vò. “Nước” và “thuyền” chỉ gọi lên nỗi “sầu trăm ngả” nhưng “củi một cành khô” lại cho ta cảm giác chênh chao, heo hút đến rợn người. Hình ảnh “củi” đã gây guộc mong manh, ở đây “củi một cành khô” lại càng thêm nhỏ bé, như “lạc mấy dòng” vào vô vọng trong những con sóng nối tiếp đến vô cùng. Cái tôi trữ tình ở đây dường như trở lên mong manh, đơn bạc giữa những sóng gió cuộc

đời. Những hi vọng xa xăm, những nỗi buồn rồi những băn khoăn về lí tưởng. Chỉ bằng những hình ảnh đơn sơ nhưng câu thơ đã khơi gợi lên thân phận cô đơn của cả một kiếp người.

Đến khổ thơ thứ hai, bức tranh tràng giang mở ra với một nỗi buồn sâu lắng:

*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,  
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều  
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;  
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.*

Khổ thơ có thêm cảnh, thêm người nhưng nỗi buồn dường như không vơi đi mà còn lắng lẽ hơn. Nỗi buồn được gợi lên từ mặt nước, “lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu”. “Cồn nhỏ” xuất hiện nhưng lại “lơ thơ” với “đìu hiu” tạo nên khung cảnh cô liêu, tịch mịch đầy tâm trạng. Làng xóm hiện ra nhưng chỉ với âm thanh xa vời “đâu tiếng làng xa”. “Chợ chiều” thường gắn với hình ảnh hiu hắt khi con người đã ra về hết, chỉ còn lại hàng quán với mái lá vắng tanh. Cảnh vật, làng xóm dường như càng làm cái tôi trữ tình cô đơn hơn, nổi bật lên khát khao trong tâm hồn của một con người mong muốn sẻ chia. Rồi nỗi buồn như lan toả hết không gian của bến bãi, mặt nước, bầu trời. “Nắng xuống” – “trời lên” hai hình ảnh vận động trái ngược làm cho không gian thêm chiều sâu. Cụm từ “sâu chót vót” chuyển đổi cảm giác khiến ta như rợn ngợp trước đất trời. Cảm xúc lướt dần để rồi đọng lại ở “bến cô liêu” như lọt tả hết những cô đơn, hoang vắng, trống trải trong hồn người. Tiếp theo:

*Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng;  
Mênh mông không một chuyến đò ngang.  
Không cầu gợi chút niềm thân mật,  
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.*

Những cánh bèo trôi dạt dường như khéo léo ẩn dụ cho thân phận nổi trôi của một kiếp người bé tấc. Những cánh bèo này không chỉ có một mà “hàng nối hàng”, cảm giác như miên man không dứt. Hai câu thơ sau càng cho ta thấy thêm sự vô vọng, “không một chuyến đò ngang”, “không cầu”, chẳng có một “niềm thân mật” nào để bám víu. Khoảnh khắc mà ánh sáng xanh của bờ bãi và nét vàng mờ nhạt xuất hiện là lúc cái tôi trữ tình chìm sâu trong nỗi buồn, những suy nghĩ mông lung.

Khép lại bài thơ là những nét thiên nhiên nhưng mang tâm sự của con người:

*Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,  
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.  
Lòng quê dợn dợn vời con nước,  
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.*

“Mây cao” và “núi bạc” xuất hiện gợi lên khung cảnh thiên nhiên tráng lệ nhưng vẫn mang đầy dáng vẻ cô đơn trong bóng chiều hiu hắt. Giữa trời đất bao la chỉ có một cánh chim nhỏ chao nghiêng. Tất cả như cô đơn, lẻ loi đến tội nghiệp và con người như chìm ngập giữa trời đất bao la. Cảm giác chênh chao của cánh chim lẻ bóng lại xuất hiện để nổi bật lên trong nỗi sầu là tình cảm yêu quê hương đất nước đến da diết của cái tôi trữ tình. “Lòng quê dợn dợn vời con nước”, hai chữ “dợn dợn” thật đắt, nó thể hiện được cái dợn dợn trong tâm cảnh cũng như trong tâm hồn. Câu thơ cuối gợi nhớ tới một tứ thơ Đường: “Yên ba giang thượng sử nhân sầu”. Nhưng ở

Huy Cận, ông không cần phải có “khói hoàng hôn” cũng vẫn “nhớ nhà” bởi nỗi nhớ này, nỗi buồn này dường như luôn thường trực trong tâm khảm.

“Tràng Giang” bằng âm điệu trầm buồn cùng cảm xúc tinh tế đã làm nổi bật lên “cái tôi trữ tình” với một trái tim cô đơn nhưng luôn đau đáu tình yêu với quê hương đất nước. Theo “Tràng Giang” ta không chỉ cảm thông với nỗi niềm của thi nhân mà còn quý trọng một tài hoa, một tâm hồn đáng trân trọng của Huy Cận.

**CLICK NGAY** vào nút **TẢI VỀ** dưới đây để tải các bài văn mẫu: Phân tích cái tôi trữ tình trong bài Tràng giang Văn lớp 11 file word, pdf hoàn toàn miễn phí.